

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTT22B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH003062** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Đất và phân bón**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201102455	Nguyễn Tấn Bành	23/12/2007			5	6.0	5.0		0.0	0.0	2.2
2	2256201102456	Võ Thị Bảo Dư	05/07/2006			10	6.0	6.9		2.5	7.5	7.4
3	2256201102457	Lâm Thúy Duy	04/02/2007			7	4.0	6.3		2.5	6.5	6.1
4	2256201102458	Trần Thanh Đại	07/09/2007			8	6.0	7.0		2.5	7.5	7.2
5	2256201102459	Võ Quốc Hiền	02/12/2007			10	6.0	7.0		0.0	6.0	6.5
6	2256201102460	Nguyễn Văn Hoàng	23/12/2007			5	6.0	5.0		0.0	0.0	2.2
7	2256201102461	Lâm Bảo Huy	04/11/2007			9	6.0	7.0		1.0	6.0	6.4
8	2256201102462	Võ Hoàng Huy	27/09/2007			7	6.0	6.0		0.5	6.0	6.1
9	2256201102463	Dương Hoàng Khang	17/08/2007			8	6.0	7.4		2.5	7.5	7.3
10	2256201102464	Nguyễn Chí Khang	14/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2256201102465	Đỗ Phạm Quốc Khánh	24/04/2005			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2256201102466	Nguyễn Gia Khánh	06/11/2007			8	6.0	7.4		2.0	6.5	6.7
13	2256201102467	Tăng Nguyễn Anh Khoa	11/07/2007			5	9.0	7.9		1.5	6.5	7.0
14	2256201102468	Trần Nhật Linh	23/08/2007			10	9.0	7.9		5.0		6.5
15	2256201102469	Lý Bảo Lộc	17/11/2007			10	6.0	7.4		2.5	6.0	6.5
16	2256201102470	Tổng Nguyễn Hồng Luân	29/04/2007			8	6.0	6.3		1.0	6.5	6.5
17	2256201102471	Võ Hoàng Nam	11/03/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
18	2256201102472	Đỗ Hữu Nghĩa	06/01/2007			5	5.0	5.0		0.0	0.0	2.0

Châu Đốc, ngày 15 tháng 3 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Tiến Đạt